



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ I MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ – LỚP 9

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

1. Nội dung kiến thức trọng tâm: Bài 1, 2, 3

2. Câu hỏi tham khảo

A. Trắc nghiệm

Bài 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Để khôi phục kinh tế, tháng 3 – 1921, Đảng Bôn-sê-vích đã ban hành chính sách nào sau đây?

- | | |
|---|------------------------------------|
| A. Sắc lệnh hòa bình và Sắc lệnh ruộng đất. | B. Chính sách cộng sản thời chiến. |
| C. Chính sách kinh tế mới. | D. Tiến hành cải cách chính phủ. |

Câu 2. Từ năm 1818 đến năm 1920, để vượt qua những khó khăn thử thách sau Cách mạng tháng Mười chính quyền Xô viết đã thực hiện:

- | | |
|------------------------------------|--|
| A. Chính sách kinh tế mới. | B. Chính sách cộng sản thời chiến. |
| C. Chính sách ngoại giao hòa bình. | D. tiếp tục cuộc chiến tranh với các nước đế quốc. |

Câu 3. Ý nào sau đây **không phải** là nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ và phát triển của phong trào cách mạng 1918 – 1923 ở châu Âu?

- A. Ảnh hưởng của thắng lợi Cách mạng tháng Mười Nga.
 B. Sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa phát xít.
 C. Sự thành lập chính quyền Xô viết ở nước Nga.
 D. Tinh thần đấu tranh của công nhân, nhân dân lao động.

Câu 4. Ý nghĩa của sự thành lập Quốc tế Cộng sản đối với phong trào cách mạng ở châu Âu là?

- A. Thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân.
 B. Thúc đẩy sự hình thành nhiều nhà nước vô sản.
 C. Định hướng sự phát triển của phong trào nông dân.
 D. Giành ruộng đất và quyền lợi cho bộ phận tiểu nông.

Câu 5. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự hình thành của chủ nghĩa phát xít Đức là gì?

- A. Sự ủng hộ về vũ khí chiến tranh của I-ta-li-a.
 B. Sự phát triển kinh tế của Đức giai đoạn 1924 – 1929.
 C. Chính sách dung dưỡng, thỏa hiệp của Anh, Pháp và Ba Lan.
 D. Hậu quả nặng nề của cuộc đại suy thoái kinh tế 1929 - 1933.

Câu 6. Yếu tố khách quan nào có tác động đến phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Trật tự thế giới mới (hệ thống Vécxai – Oasinhton) được thiết lập.
 B. Chính sách khai thác và bóc lột thuộc địa của thực dân phương Tây.
 C. Sự bùng nổ của cao trào cách mạng ở các nước tư bản châu Âu.
 D. Cách mạng tháng Mười Nga thành công và cao trào cách mạng thế giới lên cao.

Câu 7. Ý nào sau đây phản ánh đúng sự phát triển của kinh tế Mỹ giai đoạn 1924-1929?

- A. Lạm vào đại suy thoái khiến sản lượng công nghiệp sụt giảm.
 B. Phát triển nhanh chóng, xen kẽ với khủng hoảng nhẹ.
 C. Trở thành trung tâm công nghiệp, thương mại, tài chính quốc tế.
 D. Tiến hành công cuộc công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Câu 8. Quốc tế Cộng sản (Quốc tế thứ ba) được thành lập vào thời gian nào?

- | | |
|-------------------|--------------------|
| A. Tháng 3 – 1919 | B. Tháng 5- 1919 |
| C. Tháng 3 – 1920 | D. Tháng 12 – 1920 |

Câu 9. Nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 là gì?

- A. Hậu quả của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- B. Tác động của cao trào cách mạng thế giới 1918 – 1923.
- C. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản.
- D. Tình trạng sản xuất ồ ạt, hàng hóa ế thừa, cung vượt quá cầu.

Câu 10. Các nước Đức và I-ta-li-a tìm lối thoát khỏi suy thoái kinh tế 1929 – 1933 bằng cách nào?

- A. Tiến hành cải cách kinh tế - xã hội, thực hiện dân chủ.
- B. Gây chiến tranh, xâm chiếm thuộc địa, mở rộng ảnh hưởng.
- C. Phát xít hóa bộ máy chính quyền.
- D. Đàn áp phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân.

Câu 11. Hậu quả nghiêm trọng nhất của cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 là gì?

- A. Đã tàn phá nặng nề nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa.
- B. Đẩy hàng trăm triệu người rơi vào tình trạng đói khổ.
- C. Tỷ lệ thất nghiệp gia tăng.
- D. Sự thắng thế của chủ nghĩa phát xít, làm gia tăng mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 12. Nhận xét nào sau đây **không đúng** về cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933)?

- A. Cuộc khủng hoảng thừa, để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng.
- B. Cuộc khủng hoảng đầu mỏ, kéo dài nhất trong lịch sử các nước tư bản.
- C. Cuộc khủng hoảng thiếu, có quy mô lớn nhất trong lịch sử các nước tư bản.
- D. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đầu tiên, để lại hậu quả nặng nề cho các nước tư bản.

Câu 13. Để thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933), giới cầm quyền Đức đã làm gì?

- A. Tiếp tục duy trì chế độ cộng hòa tư sản đại nghị.
- B. Thực hiện cải cách trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.
- C. Phát xít hóa bộ máy nhà nước, thiết lập chế độ độc tài, chuẩn bị chiến tranh.
- D. Liên kết với các nước Anh, Pháp để giải quyết khó khăn.

Câu 14. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) bùng nổ đầu tiên ở:

- A. Đức.
- B. Anh.
- C. Pháp.
- D. Mỹ

Câu 15. Người đề xướng việc thực hiện “Chính sách mới” ở Mỹ là Tổng thống:

- A. G.Oa-sinh-ton
- B. F.Ru.dơ-ven
- C. B.Clin-ton
- D. A.Lin-côn

Câu 16. Chính sách đối ngoại của Chính phủ Ru-dơ-ven trong quan hệ với khu vực Mỹ La-tinh là:

- A. Chính sách láng giềng thân thiện
- B. gây chiến tranh xâm lược.
- C. can thiệp bằng vũ trang.
- D. sử dụng đồng đôla, buộc các nước phụ thuộc vào Mỹ.

Câu 17. Quốc tế cộng sản là một tổ chức của lực lượng nào sau đây?

- A. Giai cấp công nhân thế giới.
- B. Đảng cộng sản của các nước trên thế giới.
- C. Khối liên minh công – nông tất cả các nước.
- D. Giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Câu 18. Đầu được xem là kết quả lớn nhất của cao trào cách mạng 1918 - 1923 ở châu Âu?

- A. Sự trưởng thành của giai cấp công nhân ở mỗi nước.
- B. Tấn công mạnh mẽ vào chính quyền thống trị ở các nước.
- C. Sự ra đời của các Đảng cộng sản ở mỗi nước.
- D. Lật đổ chế độ quân chủ tồn tại ở mỗi nước.

Câu 19. Sự kiện nào mở đầu cho cuộc đại suy thoái kinh tế trầm trọng?

- A. Khủng hoảng chính trị ở Pháp.
- B. Nhà máy Đức bị phá sản hàng loạt.
- C. Thị trường chứng khoán Niu Oóc (Mỹ) sụp đổ.
- D. Hàng chục triệu người thất nghiệp ở Pháp.

Câu 20. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 chủ nghĩa phát xít đã lên nắm quyền ở các quốc gia:

- A. Đức, Pháp, Nhật.
- B. Đức, Tây Ban Nha, Italia.
- C. Đức, I-ta-li-a, Nhật.
- D. Áo – Hung.

Câu 21. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đẩy mạnh xâm lược khu vực nào sau đây?

- A. Mỹ La tinh.
- B. Đông Nam Á.
- C. Tây Nam Á.
- D. Đông Nam Âu.

Câu 22. Phong trào Ngũ tứ bùng nổ vào thời gian nào?

- A. 5 – 4 – 1919
- B. 4 – 5 – 1919
- C. 4 – 5 – 1920
- D. 5 – 4 – 1921

Câu 23. Phong trào Ngũ tứ là phong trào đấu tranh của tầng lớp nào sau đây?

- A. Nông dân Trung Quốc chống phong kiến.
- B. Giai cấp tư sản, tiểu tư sản Trung Quốc chống phong kiến.
- C. Học sinh, sinh viên, công nhân Trung Quốc chống đế quốc và phong kiến.
- D. Giai cấp công nhân chống tư sản, phong kiến.

Câu 24. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Ấn Độ là thuộc địa của quốc gia nào?

- A. Thực dân Pháp.
- B. Thực dân Anh.
- C. Đế quốc Đức.
- D. Đế quốc Mỹ.

Câu 25. Lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ sau chiến tranh thế giới thứ nhất là tổ chức nào sau đây?

- A. Đảng Dân chủ.
- B. Đảng Quốc đại.
- C. Đảng Đại hội dân tộc.
- D. Đảng Cộng sản Ấn Độ.

Câu 26. Từ năm 1925 đến năm 1941, nhân dân Liên Xô thực hiện nhiệm vụ trọng tâm nào sau đây?

- A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Chống thù trong, giặc ngoài.
- C. Khắc phục hậu quả chiến tranh.
- D. Cải tổ toàn diện đất nước.

Câu 27. Để huy động lực lượng đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài, năm 1919, nước Nga đã

- A. nhận viện trợ của tư bản nước ngoài.
- B. tiến hành thu thuế lương thực, lương thực.
- C. ban hành Chính sách kinh tế mới.
- D. thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến.

Câu 28. Nội dung nào trong “Chính sách kinh tế mới” đã góp phần khuyến khích nông dân Liên Xô hăng hái tham gia lao động và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển?

- A. Tiến hành tập thể hóa nông nghiệp.
- B. Quốc hữu hóa các cánh đồng lớn.
- C. Thực hiện chính sách thu thuế lương thực.
- D. Tiến hành trưng thu lương thực thừa.

Câu 29. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội (1925-1941), Liên Xô đã đặt trọng tâm phát triển lĩnh vực nào?

- A. Thương nghiệp.
- B. Công nghiệp nặng.
- C. Công nghiệp nhẹ.
- D. Thủ công nghiệp.

Câu 30. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng phạm vi ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933?

- A. Chỉ ảnh hưởng ở các nước tư bản phát triển trên thế giới.
- B. Chỉ có ở các nước tư bản phát triển và thuộc địa của chúng.
- C. Bùng nổ đầu tiên ở châu Âu, sau đó lan rộng ra châu Mỹ.
- D. Chỉ xuất hiện các nước phát xít và các nước phụ thuộc.

Bài 2. Câu trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý a, b, c, d.

“...Trong hoàn cảnh ấy, từ mùa hè năm 1919, Chính quyền Xô viết đã quyết định thi hành Chính sách cộng sản thời chiến với các nội dung sau: Nhà nước nắm độc quyền lúa mì, cấm tự do buôn bán lúa mì. Từ tháng 01/1919 ban hành chế độ trưng thu lương thực thừa đối với nông sản với nguyên tắc: không thu của người nghèo, thu vừa phải của trung nông, và thu nhiều của phú nông...”.

(Ngô Minh Oanh, 100 năm Cách mạng tháng Mười Nga và Chủ nghĩa xã hội: Từ hiện thực đến quy luật lịch sử, Nxb Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr.32)

- a. Theo đoạn tư liệu trên, Chính sách cộng sản thời chiến được Nhà nước Liên Xô ban hành vào năm 1919.
- b. Đoạn tư liệu trên phản ánh nội dung của Chính sách cộng sản thời chiến trên lĩnh vực kinh tế nông nghiệp.
- c. Theo chính sách Cộng sản thời chiến, nông dân được tự do sử dụng lương thực sau khi đã đóng thuế cho nhà nước.
- d. Chính quyền Xô viết thực hiện chính sách trưng thu lương thực thừa một cách linh hoạt, phù hợp.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý a, b, c, d.

“Ở trong nước, các nước tư bản chủ nghĩa đều phải đối phó với cao trào cách mạng rộng lớn của giai cấp công nhân và nhân dân lao động do hậu quả của cuộc chiến tranh và do ảnh hưởng của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga. Cao trào cách mạng 1918 - 1923 đã đạt đến đỉnh cao chưa từng có. Tình thế cách mạng đã hình thành ở nhiều nước châu Âu như Đức, Hunggari, Italia và nhiều nước khác. Khủng hoảng chính trị xã hội, khủng hoảng kinh tế cùng với những bất lợi về mặt đối ngoại, khiến cho cơ sở của CNTB ở châu Âu trong giai đoạn sau chiến tranh (1918 - 1923) thực sự ở trong tình trạng không ổn định”.

(Nguyễn Anh Thái, *Lịch sử thế giới hiện đại*, Nxb Giáo dục, 2006, tr.76)

- a. Đoạn tư liệu phản ánh những khó khăn của các nước tư bản châu Âu giai đoạn 1918 - 1923.
- b. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã tác động mạnh đến tinh thần đấu tranh của nhân dân châu Âu.
- c. Cao trào cách mạng 1918 - 1923 đã làm nền chính trị châu Âu khủng hoảng, đưa đến sự ra đời của các nước cộng hòa.
- d. Đức, Hunggari, Italia và nhiều nước khác đã bùng nổ các cuộc cách mạng.

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

1. Nội dung kiến thức trọng tâm: Bài 1, 2, 3,4,5

2. Câu hỏi tham khảo

A. Trắc nghiệm

Bài 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Quần cư thành thị ở nước ta có chức năng gì?

- A. Là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, khoa học – công nghệ, đầu mối giao thông.
- B. Là trung tâm hành chính và văn hóa.
- C. Là trung tâm khoa học – công nghệ, đầu mối giao thông.
- D. Là trung tâm kinh tế, chính trị.

Câu 2. Ý phản ánh **không đúng** về ý nghĩa của phát triển nông nghiệp xanh là:

- A. tạo sản phẩm có lợi cho sức khỏe người tiêu dùng.
- B. phát triển công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm.
- C. giúp tiêu thụ phân vô cơ, hoá chất của ngành công nghiệp.
- D. sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 3. Việt Nam là quốc gia có bao nhiêu dân tộc?

- A. 53 dân tộc.
- B. 54 dân tộc.
- C. 55 dân tộc.
- D. 63 dân tộc.

Câu 4. Dân tộc Kinh (người Việt) tập trung sinh sống chủ yếu ở khu vực nào?

- A. Vùng núi cao và cao nguyên.
- B. Đồng bằng, ven biển và trung du.
- C. Các vùng biên giới phía Bắc và Tây Nguyên
- D. Các tỉnh ven biển và hải đảo.

Câu 5. Cơ cấu ngành nông nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng nào?

- A. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp.
- B. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp.
- C. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi, giảm tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.
- D. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi, tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.

Câu 6: Để tăng giá trị và phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, ngành nông nghiệp Việt Nam đã và đang ứng dụng ngày càng nhiều thành tựu của:

- A. công nghệ cơ khí hóa và thủy lợi.
C. khoa học - công nghệ.

- B. công nghệ thông tin.
D. cơ sở vật chất kĩ thuật.

Câu 7. Trong các loại cây trồng sau đây, loại cây nào thuộc nhóm cây lương thực chính tại Việt Nam?

- A. Cà phê B. Lúa gạo C. Cao su. D. Thanh long

Câu 8. Nhân tố kinh tế - xã hội nào sau đây tạo điều kiện nâng cao năng suất và chất lượng nông sản?

- A. Khoa học - công nghệ. B. Mạng lưới sông, hồ.
C. Thị trường tiêu thụ. D. Địa hình và khí hậu.

Câu 9. Khí hậu nước ta phân hoá đa dạng ảnh hưởng như thế nào đến phát triển ngành kinh tế nông nghiệp?

- A. trồng được nhiều loài cây có giá trị kinh tế cao.
B. phát triển mạnh chăn nuôi gia súc và gia cầm
C. đa dạng hoá cây trồng và sản phẩm trồng trọt.
D. hình thành các vùng nông nghiệp trên cả nước.

Câu 10. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa cho phép nông nghiệp nước ta theo hướng:

- A. nuôi được nhiều loại gia súc lớn. B. sản xuất nhiều vụ trong một năm.
C. áp dụng được các tiến bộ kĩ thuật. D. mở rộng thêm thị trường tiêu thụ.

Câu 11. Sản xuất nông nghiệp nước ta có tính bất bình chủ yếu do:

- A. sông có một mùa lũ và một mùa cạn trong năm.
B. diện tích đồi núi rộng lớn, mùa mưa có lũ quét.
C. giống sinh vật trọng lượng nhỏ, năng suất thấp.
D. khí hậu diễn biến thất thường, nhiều thiên tai.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây không đúng về vấn đề việc làm ở nước ta?

- A. Nước ta có lực lượng lao động khá dồi dào.
B. Tỷ lệ thiếu việc làm khác nhau ở các đô thị.
C. Tỷ lệ thất nghiệp ở các vùng đều giống nhau.
D. Cơ cấu lao động nước ta có sự chuyển biến tích cực.

Câu 13. Phát biểu nào sau đây không đúng về lao động Việt Nam?

- A. Cơ cấu lao động theo ngành ổn định. B. Lao động ở thành thị ngày càng tăng
C. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp. D. Chất lượng lao động ngày càng tăng.

Câu 14. Cho vào bảng số liệu 1:

“Bảng Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành phân theo vùng ở Việt Nam năm 2010-2021”

Đơn vị : Nghìn đồng

Vùng	2010	2021
Trung du miền núi Bắc Bộ	905	2838
Đồng bằng sông Hồng	1580	5026
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	1018	3493
Tây Nguyên	1088	2856
Đông Nam Bộ	2304	5794
Đồng bằng sông Cửu Long	1247	3713

Hãy cho biết ý phản ánh đúng khi nói về sự thay đổi trong thu nhập bình quân đầu người một tháng của các vùng ở nước ta?

- A. Đồng giảm. B. Có sự biến động.
C. Đồng tăng. D. Tăng lên gấp đôi.

Câu 15. Dựa vào bảng số liệu 1, hãy cho biết năm 2021, vùng có thu nhập bình quân đầu người một tháng cao nhất gấp bao nhiêu lần vùng có thu nhập thấp nhất?

- A. 3 lần. B. 2 lần. C. 4 lần. D. 5 lần.

Câu 16. Lợi thế lớn nhất về mặt kinh tế mà cơ cấu dân số vàng mang lại là gì?

- A. Giảm áp lực di dân và phân bố dân cư đồng đều giữa các vùng
B. Dễ dàng chuyển đổi sang cơ cấu dân số già hóa
C. Cơ hội tích lũy vốn đầu tư nhờ tỷ lệ người phụ thuộc thấp.
D. Mở rộng hệ thống chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi

Câu 17. Quần cư nông thôn có chức năng gì?

- A. Là trung tâm khoa học – công nghệ, đầu mối giao thông.
B. Là trung tâm hành chính và văn hóa.
C. Là trung tâm kinh tế, chính trị.
D. Là trung tâm văn hóa, khoa học công nghiệp.

Câu 18. Trong các loại cây trồng sau đây, loại cây nào thuộc nhóm cây công nghiệp lâu năm tại Việt Nam?

- A. Cà phê. B. Bông. C. Mía. D. Đậu tương.

Câu 19. Đặc điểm phân bố dân cư của các dân tộc thiểu số là:

- A. Tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn.
B. Tập trung chủ yếu ở đồng bằng và ven biển.
C. Thường sinh sống ở những vùng đất đai màu mỡ nhất.
D. Tập trung chủ yếu ở các vùng miền núi, trung du.

Câu 20. Các cây công nghiệp lâu năm chủ yếu phân bố ở các vùng nào của Việt Nam?

- A. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ.
D. Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 21. Ở Việt Nam, Trâu được nuôi nhiều nhất ở đâu?

- A. Ven biển các thành phố lớn. B. Đông Nam Bộ.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 22. Nước ta có thể trồng từ 2 đến 3 vụ lúa trong một năm là nhờ có đặc điểm tự nhiên nào sau đây?

- A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. B. Nguồn sinh vật phong phú.
C. Phần lớn là đất phù sa màu mỡ. D. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

Câu 23. Thuận lợi về đất để phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở nước ta là:

- A. diện tích đất xám phù sa cổ rộng ở vùng trung du.
B. đất phù sa có diện tích lớn ở đồng bằng châu thổ.
C. có nhiều loại đất fe-ra-lit trên các đai cao địa hình.
D. đất fe-ra-lit chiếm hầu hết diện tích ở đồi núi thấp.

Câu 24. Tác động của sông ngòi đối với nông nghiệp nước ta không phải là:

- A. Cung cấp phù sa cho đồng ruộng. B. Cơ sở để thực hiện tưới tiêu nước.
C. Cung cấp nước uống cho vật nuôi. D. Đảm bảo nước phòng cháy rừng.

Câu 25. Ở nước ta, Bò được nuôi nhiều ở đâu?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.
C. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Trung du và miền núi Bắc Bộ.
D. Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

Bài 2. Câu trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1. Đọc bảng số liệu sau và chọn *đúng* hoặc *sai* trong mỗi ý a,b,c,d.

“Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ở nước ta giai đoạn 2010- 2021”

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2010	2015	2020	2024
Sản lượng khai thác	2,5	3,2	3,9	3,8

Sản lượng nuôi trồng	2,7	3,5	4,7	5,7
----------------------	-----	-----	-----	-----

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2016, 2022, 2024)

- a. Sản lượng thủy sản nuôi trồng có xu hướng tăng liên tục trong giai đoạn 2010-2024.
- b. Tỷ lệ sản lượng thủy sản khai thác năm 2024 chiếm 45% trong cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta.
- c. Hiện nay, nuôi trồng thủy sản đang phát triển theo hướng xanh, bền vững, đẩy mạnh phát triển mô hình hữu cơ, công nghệ cao...
- d. Cơ cấu ngành thủy sản đang chuyển dịch theo hướng: tăng tỷ lệ ngành khai thác và giảm tỷ lệ ngành nuôi trồng giai đoạn 2010-2024.

Câu 2. Đọc bảng số liệu sau và chọn *đúng* hoặc *sai* trong mỗi ý a,b,c,d.
“Diện tích rừng của Việt Nam giai đoạn 2010-2024”

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	2010	2015	2020	2024
Diện tích rừng tự nhiên	10,3	10,2	10,3	10,1
Diện tích rừng trồng	3,1	3,9	4,4	4,7

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2011, 2016, 2021, 2024)

- a. Diện tích rừng của nước ta đang có xu hướng tăng trong giai đoạn 2010-2024.
- b. Tỷ lệ diện tích rừng trồng năm 2024 chiếm 35% trong cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta.
- c. Hiện nay, hoạt động khoanh nuôi bảo vệ rừng ngày càng được trú trọng như: Ứng dụng công nghệ thông tin, chăm sóc, mô hình nông lâm kết hợp....
- d. Cơ cấu diện tích rừng nước ta đang chuyển dịch theo hướng: giảm tỷ lệ diện tích rừng trồng và tăng tỷ lệ diện tích rừng tự nhiên trong giai đoạn 2010-2024.

Chúc các con ôn tập và làm bài kiểm tra đạt kết quả cao!